

Số: 1332/QĐ-UBND

San Thàng, ngày 31 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v Giao thu - chi ngân sách địa phương năm 2021

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ SAN THÀNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ quyết định số 1634/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của UBND thành phố Lai Châu về việc Giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 281/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của HĐND xã San Thàng về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; Thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2021;

Xét đề nghị của công chức Tài chính - Kế toán xã,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao thu, chi ngân sách địa phương năm 2021 cho các ban ngành đoàn thể UBND xã San Thàng (Có biểu chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Căn cứ vào quyết định này, cán bộ, công chức, các ban ngành đoàn thể xã có trách nhiệm triển khai thực hiện. Thời gian thực hiện xong trước ngày 20/12/2021, các ban ngành đoàn thể nào không thực hiện nhiệm vụ chi phải chịu trách nhiệm trước lãnh đạo UBND xã. Sau ngày 20/12/2021 công chức Tài chính - Kế toán có trách nhiệm rà soát tổng hợp các nhiệm vụ chi ngân sách nào không có nhiệm vụ chi hoặc chi không hết để hoàn trả ngân sách thành phố đúng theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Công chức Văn phòng - Thống kê, Tài chính - Kế toán, cán bộ, công chức và các ban ngành đoàn thể xã San Thàng chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND xã;
- Lưu VT.

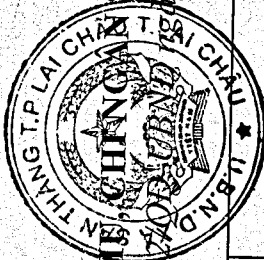
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
HỦ TỊCH



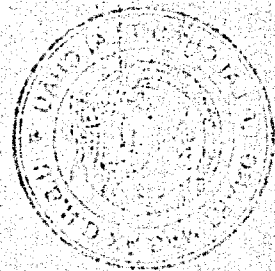
Hoàng Văn Sinh



**BIỂU TỔNG HỢP GIAO THẾ CHỨNG SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021**  
 Kèm theo Quyết định số: 1337/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND xã Sơn Thành  
 ĐVT: Đồng



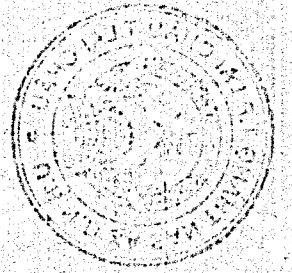
STT	Nội Dung	Số tiền	Giao cho các ban ngành
A	Tổng thu ngân sách địa phương	4.802.000.000	
	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã	202.000.000	UBND xã kết hợp với Cơ quan thuế thành phố thu
I	Thu NSNN trên địa bàn xã hưởng	174.000.000	
1	Thu phí, lệ phí theo tỷ lệ phân chia	66.000.000	
	Thu lệ phí trước bạ, đất (Xã hưởng)	35.000.000	UBND xã kết hợp với Cơ quan thuế thành phố thu
	Thu lệ phí trước bạ, đất (TP hưởng)	15.000.000	UBND xã kết hợp với Cơ quan thuế thành phố thu
	Thu lệ phí môn bài (Xã hưởng)	31.000.000	UBND xã kết hợp với Cơ quan thuế thành phố thu
	Thu lệ phí môn bài (TP hưởng)	13.000.000	UBND xã kết hợp với Cơ quan thuế thành phố thu
2	Thu phí, lệ phí NS xã hưởng 100%	8.000.000	
	Thu khác ngân sách (Phí chứng thực, Phạt vi phạm hành chính, ANTT...)	8.000.000	Bộ phận một cửa, Công chức ĐC-XD-MT-ĐT-ĐĐ, Công an xã
3	Thu hoạt động chợ	100.000.000	Các ban ngành, công chức xã, kế toán tham mưu
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.628.000.000	Công chức Tài Chính - Kế toán
B	Chi ngân sách địa phương (I+II)	4.802.000.000	
I	Chi Cân đối ngân sách	4.764.000.000	
1.1	Nguồn 13: Dự toán giao thực hiện chế độ tự chủ theo ND130/-CP và dự toán giao thường xuyên theo ND 16/ND-CP	2.262.000.000	
1.1	Quỹ lương cán bộ chuyên trách, BHXH	1.967.000.000	Các ban ngành, công chức xã, kế toán tham mưu
1.2	Chi thường xuyên	285.000.000	Các ban ngành, công chức xã, kế toán tham mưu

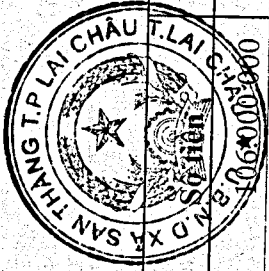




STT	Nội Dung	Giao cho các ban ngành
1.3	Giao tiết kiệm chi thường xuyên	Các ban ngành, công chức xã, kế toán tham mưu
1.2	<b>Nguồn 12: Dự toán giao không thực hiện chế độ tự chủ theo ND 130/ND - CP, dự toán giao không thường xuyên theo ND16/ND-CP</b>	<b>2.502.000.000</b>
2.1	Phụ cấp Cán bộ không chuyên trách	Công chức TC kế toán xã tham mưu
2.2	Phụ cấp đại biểu HĐND	CC VP-TK giúp việc cho HĐND, CC kế toán tham mưu
2.3	Hưu trí	CC Tài chính - kế toán
2.4	KP hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã (ĐTN: 6,5 triệu, HPN: 6,5 triệu, HCCB: 3 triệu, MTTQ: 3 triệu, HND: 3 triệu)	Các đoàn thể xã, CCTC - KT tham mưu
2.5	KP hoạt động đối với các tổ dân phố, bản để thực hiện các nhiệm vụ tại bản theo NQ 14/2020/NQ-HĐND (9 Bản*13 triệu đồng/bản/năm)	Các tổ dân phố, bản, CCTC kế toán tham mưu
2.6	Kinh phí Ban thanh tra nhân dân, giám sát cộng đồng	Ban Thanh tra nhân dân, CCTC kế toán tham mưu
2.7	Kinh phí hỗ trợ thực hiện QĐ 99	Văn phòng đảng ủy, CCTC kế toán
2.8	Kinh phí hỗ trợ Ban công tác Mặt trận khu dân cư	Chủ tịch UBNDTTQ, CCTC kế toán tham mưu
2.9	Kinh phí thực hiện cải cách hành chính, tuyên truyền phổ biến GDP, hoạt động hòa giải cơ sở; Hỗ trợ cán bộ trực bộ phận một cửa theo NQ15; KP giải quyết đơn thư, tiếp công dân.	CC tư pháp, CC văn phòng thông kê, CCTC kế toán tham mưu
2.10	Hỗ trợ hoạt động văn hóa, thể thao (hoạt động thường xuyên và tham gia Đại hội TDTT cấp thành phố)	CC Văn hóa xã hội, CC kế toán tham mưu
2.11	Hỗ trợ hoạt động tổ dân vận	Chủ tịch MTTQ, CC kế toán tham mưu
2.12	KP đảm bảo thực hiện cuộc vận động của UBNDTTQ Việt Nam cấp xã theo Nghị quyết số 22/2018/NQ-HĐND	Chủ tịch MTTQ, CC văn hóa xã hội, CC kế toán tham mưu
2.13	KP mừng thọ, chăm sóc người cao tuổi	Chủ tịch hội người cao tuổi, CCTC kế toán tham mưu







STT	Nội Dung	Giao cho các ban ngành
2.14	Kinh phí dân quân, tự vệ	Chi huy trưởng quân sự, CCTC kế toán tham mưu
2.15	Tiền điện, sửa chữa các cụm loa truyền thanh không dây	CC Văn hóa xã hội, CCTC kế toán tham mưu
2.16	Kinh phí BCEĐ công tác tôn giáo, BCEĐ quy chế dân chủ	BCĐ Tôn giáo QCDCDV, CCTC kế toán tham mưu
2.17	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội (ĐH Hội chữ thập đỏ 12tr, Hội Người cao tuổi 13tr, Hội Liên hiệp phụ nữ 15tr)	Chủ tịch Hội CTĐ, NCT và HLHPN, CCTC kế toán tham mưu
2.18	Hỗ trợ người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	Chủ tịch MTTQ, CCTC kế toán tham mưu
2.19	Chỉnh sách luân chuyển cán bộ theo nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND	CCTC kế toán tham mưu
2.20	KP Duy trì bản sắc dân tộc Giấy, tổ chức lễ hội	CC văn hóa - xã hội, CCTC kế toán tham mưu
2.21	Kinh phí thực hiện chỉnh sách hỗ trợ phát triển sản xuất theo quyết định 29/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh Lai Châu	CC địa chính nông nghiệp, CCTC kế toán tham mưu
2.22	Kinh phí chi trả phụ cấp thâm niên, phụ cấp đặc thù theo NĐ số 03/NĐ-CP	CCTC kế toán tham mưu
2.23	Kinh phí UVBCH	Văn phòng Đảng ủy, CCTC kế toán tham mưu
2.24	Hoạt động đội văn nghệ bán, tổ dân phố	CC văn hóa - xã hội, CCTC kế toán tham mưu
2.25	KP hỗ trợ tổ vệ sinh môi trường xã	CC Địa chính xây dựng, công chức xã, kế toán tham mưu
2.26	Kinh phí thực hiện NQ 45/2016/HĐND	CC VP-TK giúp việc cho HĐND, PCT HĐND, TCKT tham mưu
2.27	Hỗ trợ kinh phí diễn tập năm 2021	Chi huy trưởng quân sự, CCTC kế toán tham mưu
2.28	Kinh phí sự nghiệp giao thông	CC địa chính xây dựng, CCTC kế toán tham mưu
<b>II</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>CCTC kế toán tham mưu</b>
<b>C</b>	<b>Chi kinh phí cấp trên cấp bằng lệnh chi tiền</b>	<b>483.000.000</b>
	Chi kinh phí thực hiện dịch vụ công ích thủy lợi phí	483.000.000
		Các ban hưởng dịch vụ công ích TLP, Ban QLCCCTLNSH xã, CCTC kế toán tham mưu

